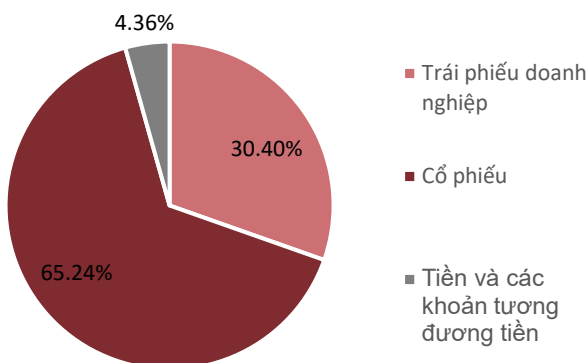


SSI-EF – Quỹ Đầu Tư Kiến Tạo Tương Lai SSI
Tháng 02 năm 2026

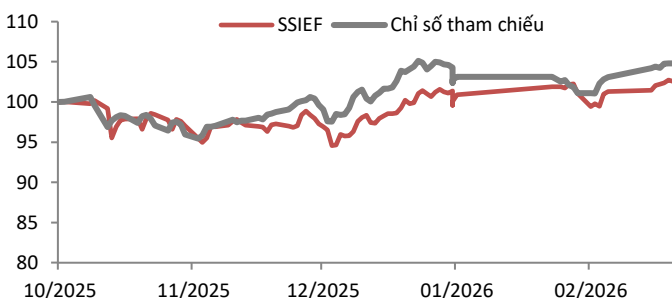
THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

Tên Quỹ	Quỹ Đầu Tư Kiến Tạo Tương Lai SSI
Mã Quỹ	SSI-EF
Loại hình	Quỹ Mở
Ngày thành lập	09/10/2025
Công ty quản lý quỹ	Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI https://www.ssiam.com.vn
Ngân Hàng Giám Sát & Lưu Ký	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – CN Hà Thành
Đại Lý Chuyển Nhượng	Tổng Công Ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)
Đại Lý Phân Phối	SSIAM, SSI, FINCO, VNSC, Digi finance, VPBanks, Investing pro
Tỷ lệ tối đa giá trị rút vốn/phiên giao dịch	10%/ Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ
Giá trị đầu tư tối thiểu	10,000 VND
Quy mô quỹ	88.4 tỷ VND (3.4 triệu USD)

CƠ CẤU DANH MỤC



HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ



BIỂU PHÍ GIAO DỊCH

Loại phí	Điều kiện	Mức phí
Phí Mua	Từ 10,000 đồng	Miễn phí
Phí Bán		
(Theo thời gian nắm giữ)	Từ 0 tháng đến dưới 12 tháng	2.0%
	Từ 12 tháng đến dưới 24 tháng	1.5%
	Từ 24 tháng trở lên	0%
Phí chuyển đổi		
(Theo thời gian nắm giữ)	Từ 0 tháng đến dưới 12 tháng	2.0%
	Từ 12 tháng đến dưới 24 tháng	1.5%
	Từ 24 tháng trở lên	0%
Thuế TNCN		0.1%

MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Quỹ hướng tới tăng trưởng tài sản ròng trong dài hạn với mức biến động trung bình thông qua sự kết hợp đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp niêm yết có tiềm năng tăng trưởng lớn trong “Kỷ Nguyên Vươn Mạnh” của nền kinh tế Việt Nam, cùng với việc đầu tư vào tài sản có thu nhập cố định có chất lượng cao.

Quỹ sẽ áp dụng Chiến lược đầu tư chủ động, tìm kiếm các cơ hội đầu tư cổ phiếu niêm yết trên cả 3 sàn HNX, HNX và UPCOM. Danh mục tập trung vào các cổ phiếu của các doanh nghiệp có tiêu chuẩn quản trị doanh nghiệp tốt và minh bạch, có tiềm năng tăng trưởng mạnh so với mặt bằng chung các doanh nghiệp cùng ngành và so với thị trường chung, có nền tảng tài chính vững chắc và được định giá thấp.

Quỹ cũng sẽ đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt, đảm bảo thu hồi vốn và mang về các khoản thu nhập cố định cho Quỹ trong điều kiện bình thường của thị trường.

CỔ PHIẾU/TRÁI PHIẾU CHIẾM TỶ TRỌNG LỚN

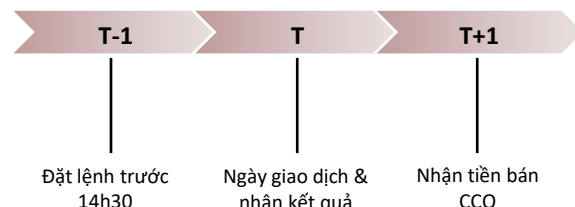
MÃ CỔ PHIẾU	TÊN CÔNG TY	% NAV
MWG	CTCP Đầu tư Thế giới Di động	4.4%
MBB	NH TMCP Quân đội	4.3%
CTG	NH TMCP Công thương Việt Nam	4.1%
HPG	CTCP Tập đoàn Hòa Phát	3.9%
TCB	NH TMCP Kỹ Thương Việt Nam	3.7%

TRÁI PHIẾU	TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	LÃI SUẤT
VIC	Tập đoàn VINGROUP - CTCP	9.175%
MSN	CTCP Tập đoàn Masan	9.175%
MML	CTCP Masan MeatLife	9.100%
HDB	NH TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	7.475%

Tăng trưởng	Lợi nhuận	Chỉ số tham chiếu (*)	Chênh lệch
1 tháng	0.64%	1.62%	-0.98%
Từ đầu năm	4.08%	3.11%	0.97%
Từ ngày thành lập	2.55%	4.80%	-2.26%

(*) Chỉ số tham chiếu: 50% chỉ số VNIndex + 50% lãi suất tiền gửi bình quân kỳ hạn 12 tháng dành cho khách hàng cá nhân của 4 ngân hàng quốc doanh (BIDV, Vietcombank, Agribank, VietinBank).

LỊCH MUA/BÁN



CẬP NHẬT VĨ MÔ – THÁNG 2 2026

Động lực tăng trưởng lan tỏa trong 2 tháng đầu năm

Do thời điểm Tết Nguyên đán thường tạo ra biến động đáng kể so với tháng trước, do đó, chúng tôi gộp dữ liệu hai tháng đầu năm 2026 nhằm đảm bảo đánh giá cùng kỳ mang tính chuẩn hóa hơn. Trong 2 tháng đầu năm 2026, bức tranh vĩ mô vẫn mang tính đan xen nhưng nghiêng về chiều hướng tích cực, với mô hình tăng trưởng hai tốc độ tiếp tục thể hiện rõ. Khu vực sản xuất là động lực chính của quá trình phục hồi khi sản lượng công nghiệp tăng 10.4% svck. Trong khi đó, tiêu dùng nội địa vẫn khá trầm lắng, với tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ 2 tháng đầu năm chỉ tăng 4.5% svck; thấp hơn đáng kể so với mức tăng 6.8% cùng kỳ năm 2025.

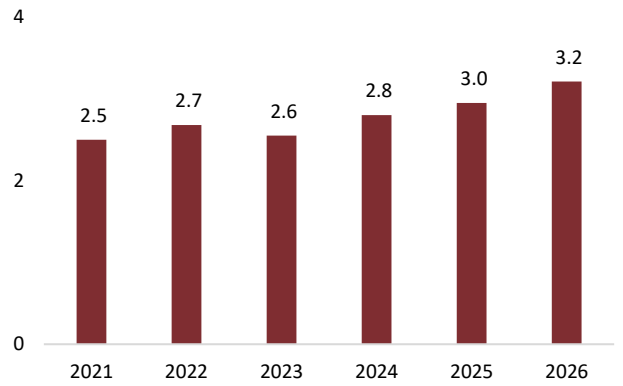
Khu vực sản xuất công nghiệp duy trì đà tăng trưởng tích cực trong giai đoạn 2 tháng đầu năm, với chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 10.4% svck; tăng tốc rõ rệt so với mức 7.5% svck của cùng kỳ 2025. Sản lượng ngành chế biến chế tạo tăng trưởng mạnh trên diện rộng, với tốc độ tăng của các ngành dao động từ 8.0% (điện tử) đến 33.1% (khoáng sản phi kim). Công nghiệp nặng tiếp tục là động lực chính; các ngành hàng tiêu dùng, ô tô và các lĩnh vực xuất khẩu truyền thống như dệt may, gỗ và thực phẩm cũng ghi nhận mức tăng hai chữ số. Xuất khẩu tăng 18.3%; trong khi nhập khẩu tăng mạnh 26.3%, khiến cán cân thương mại thâm hụt 2.98 tỷ USD. Tuy nhiên, 94.1% kim ngạch nhập khẩu là nguyên vật liệu phục vụ sản xuất; qua đó phát đi tín hiệu tích cực cho triển vọng sản xuất công nghiệp trong thời gian tới. Chỉ số PMI tăng lên 54.3 trong tháng 2; so với 52.5 của tháng 1, đồng thời đạt mức cao nhất trong 4 tháng; cho thấy sức khỏe của khu vực sản xuất cải thiện rõ rệt theo tháng và đánh dấu tháng thứ 8 liên tiếp điều kiện kinh doanh được cải thiện.

Về đầu tư, các chỉ báo tiếp tục cho thấy xu hướng tích cực. Thu ngân sách nhà nước tăng mạnh (+13.1% svck); qua đó tạo nền tảng cho động lực đầu tư trong 2 tháng đầu năm. Giải ngân đầu tư công tăng 24% svck; đạt 55.7 nghìn tỷ đồng, trong khi FDI giải ngân đạt 3.21 tỷ USD (+8.8% svck), mức cao nhất trong 5 năm đối với giai đoạn 2 tháng đầu năm. Nhìn chung, các yếu tố này tạo dư địa đáng kể cho cơ quan điều hành thúc đẩy tăng trưởng mà không làm gia tăng rủi ro đối với ổn định kinh tế vĩ mô.

Chỉ số IP (% svck)



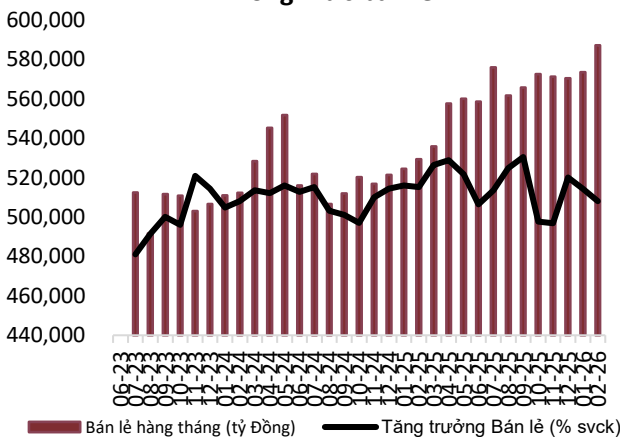
FDI giải ngân trong tháng 2 (tỷ USD)



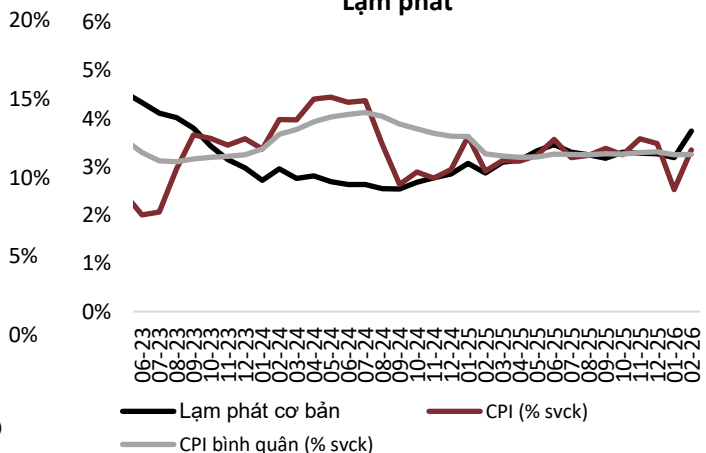
Dù hoạt động thương mại và dịch vụ trở nên sôi động trong kỳ nghỉ Tết, động lực **tiêu dùng nội địa thực chất vẫn khá khiêm tốn** trong hai tháng đầu năm 2026. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng danh nghĩa tăng 7.9% svck; riêng tháng 2 tăng 8.5%, tuy nhiên sau khi loại trừ yếu tố lạm phát, tăng trưởng thực chỉ đạt 4.5%; thấp hơn đáng kể so với mức 6.8% cùng kỳ năm 2025. Các điểm sáng trong tiêu dùng chủ yếu đến từ lĩnh vực du lịch thay vì tiêu dùng hàng hóa trong nước. Doanh thu lưu trú và ăn uống tăng 9.1%; trong khi doanh thu du lịch lữ hành tăng 12.2%, được hỗ trợ mạnh bởi lượng khách quốc tế tăng 18.1% svck; đạt 4.7 triệu lượt.

Lạm phát vẫn được kiểm soát tốt, với CPI bình quân 2 tháng đầu năm tăng 2.94% svck; trong khi lạm phát cơ bản tăng 3.47% svck. Riêng tháng 2, CPI tăng 1.14% so với tháng trước; tăng 3.35% svck, chủ yếu phản ánh sự gia tăng nhu cầu mang tính mùa vụ trong dịp Tết Nguyên đán. Tác động này thể hiện rõ nhất ở nhóm thực phẩm và dịch vụ ăn uống (+2.02% so với tháng trước); cùng nhóm văn hóa, giải trí và du lịch (+1.36% so với tháng trước). Môi trường lạm phát ổn định giúp cơ quan điều hành có thêm dư địa để ứng phó với các cú sốc giá năng lượng tiềm tàng trong bối cảnh biến động địa chính trị toàn cầu.

Tổng mức bán lẻ



Lạm phát



CẬP NHẬT VÍ MÔ – THÁNG 2 2026

VND giảm giá 0.4% so với tháng trước nhưng tăng giá 0.9% từ đầu năm. Tỷ giá USD/VND ghi nhận một nhịp tăng ngắn sau kỳ nghỉ Tết, một phần liên quan đến việc hủy các hợp đồng bán ngoại tệ kỳ hạn mà NHNN đã thực hiện trong giai đoạn 25-26/8/2025. Tuy nhiên, áp lực tỷ giá nhanh chóng hạ nhiệt khi thanh khoản hệ thống dần ổn định trở lại, đồng thời NHNN hút bớt thanh khoản VND thông qua các nghiệp vụ thị trường mở (OMO).

Lãi suất VND trên thị trường liên ngân hàng giảm mạnh sau Tết, với lãi suất qua đêm (ON) giảm về 4.8% vào ngày 27/2; sau khi tăng vọt lên 16.4% trước Tết. Các kỳ hạn ngắn khác cũng giảm đáng kể, củng cố quan điểm rằng đợt tăng mạnh trước Tết chủ yếu mang tính mùa vụ. Khi nhu cầu tiền mặt trong dịp lễ giảm dần và các yếu tố gây căng thẳng thanh khoản tạm thời được giải tỏa, điều kiện vốn nhanh chóng quay trở lại vùng cân bằng khoảng 4-6% đối với lãi suất ON.

Khi áp lực thanh khoản giảm bớt, NHNN chuyển sang trạng thái hút ròng trong các phiên giao dịch sau kỳ nghỉ lễ, rút ròng 77.7 nghìn tỷ đồng thông qua các nghiệp vụ OMO khi các hợp đồng reverse repo đáo hạn, đồng thời tiếp tục không phát hành tín phiếu NHNN. Dư nợ OMO giảm xuống còn 404.7 nghìn tỷ đồng vào cuối tháng, từ mức đỉnh 489 nghìn tỷ đồng vào đầu tháng 2, dù thanh khoản tính từ đầu tháng vẫn ở trạng thái bơm ròng 80.9 nghìn tỷ đồng. Các hợp đồng reverse repo được chào với lãi suất 4.5% với kỳ hạn từ 7 đến 56 ngày. Điều này cho thấy cách tiếp cận điều hành thanh khoản linh hoạt của NHNN, khi từng bước điều chỉnh từ trạng thái hỗ trợ mạnh trước Tết sang bình thường hóa khi điều kiện hệ thống ổn định hơn.



VNIndex tiếp tục ghi nhận tháng tăng điểm thứ tư liên tiếp, tăng 2.8% trong tháng 2, đóng cửa tại 1,880.3 điểm. Thị trường phục hồi khá tích cực sau kỳ nghỉ Tết, với dòng tiền lan tỏa sang nhiều nhóm ngành như năng lượng, tiện ích, bất động sản, vật liệu, chứng khoán và khu công nghiệp. Giá trị giao dịch bình quân ngày (GTGDBQ) giảm 16.7% trên sàn HOSE còn 1.1 tỷ USD, và giảm 17.6% trên cả ba sàn còn 1.2 tỷ USD. Tuy nhiên, tính từ đầu năm, thanh khoản thị trường vẫn duy trì ở mức rất cao; với GTGDBQ 2 tháng đầu năm 2026 trên ba sàn tăng 2.3 lần svck. Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng 301.6 triệu USD trong tháng 2. Các cổ phiếu bị bán ròng mạnh nhất gồm FPT (318 triệu USD), VCB (112 triệu USD), VNM (78 triệu USD), trong khi được mua ròng nhiều nhất gồm HPG (178 triệu USD), MBB (111 triệu USD), BSR (42 triệu USD).

Xét theo ngành, Năng lượng tiếp tục dẫn dắt thị trường (+22.3%), nhờ câu chuyện liên quan đến khối doanh nghiệp nhà nước; tiếp theo là Bất động sản (+12.5%) và Vật liệu (+5.7%). Ở chiều ngược lại, ngành Công nghệ (-10%) chịu áp lực từ những lo ngại về khả năng thay thế lao động do AI; trong khi Hàng tiêu dùng thiết yếu (-5.7%) và Tiện ích (-3.8%) là các nhóm có diễn biến kém tích cực nhất.

P/E dự phóng của VN-Index hiện ở mức 14.2 lần, tương đương mức trung bình 5 năm. Xung đột Mỹ – Israel - Iran đã kích hoạt tâm lý giảm khẩu vị rủi ro trên thị trường toàn cầu, gây áp lực lên nhiều thị trường cổ phiếu, thị trường Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ. Trong trường hợp xung đột kéo dài, rủi ro giá dầu cao hơn gây ra lạm phát và tăng trưởng kinh tế chậm lại. Tuy nhiên, triển vọng tăng trưởng GDP tích cực của Việt Nam cùng kỳ vọng nâng hạng FTSE vào tháng 9/2026 được kỳ vọng sẽ tiếp tục đóng vai trò là các động lực trung hạn quan trọng cho thị trường chứng khoán.

TÍNH ĐẾN 27/02/2026	1 THÁNG	3 THÁNG	1 NĂM	2025	TỶ TRỌNG VN-INDEX	P/E 12 tháng	P/B	ROE	BETA
Dịch vụ truyền thông	2.8%	-5.3%	-0.1%	-16.3%	0.1%	10.4	1.1	11.7	0.6
Hàng tiêu dùng KTY	-3.7%	14.9%	0.4%	13.3%	4.6%	14.4	3.1	21.1	1.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	-5.7%	2.1%	-4.9%	3.1%	7.3%	18.5	3.4	19.6	0.7
Năng lượng	22.3%	43.7%	73.3%	7.9%	3.0%	26.6	2.3	9.2	1.0
Tài chính	-0.4%	8.6%	8.5%	21.4%	38.9%	10.8	1.7	17.2	1.0
Chăm sóc sức khỏe	-0.3%	5.0%	3.5%	1.1%	0.5%	20.5	2.3	12.1	0.6
Công nghiệp	3.8%	-7.7%	-2.5%	36.3%	7.4%	15.7	2.1	12.3	0.9
Công nghệ thông tin	-10.0%	1.4%	-1.2%	-26.4%	2.0%	17.2	4.0	25.5	0.8
Nguyên vật liệu	5.7%	7.1%	20.4%	-0.5%	6.5%	17.1	1.8	11.5	1.0
Bất động sản	12.5%	20.5%	-3.2%	230.3%	24.8%	27.6	3.2	12.2	1.2
Tiện ích	-3.8%	49.1%	31.7%	6.7%	4.7%	16.7	2.4	15.4	0.7
VN-Index	2.8%	11.2%	5.4%	44.4%	100%	16.9	2.3	14.6	1.0
VN30	1.6%	7.2%	1.5%	50.9%		15.8	2.4	16.2	

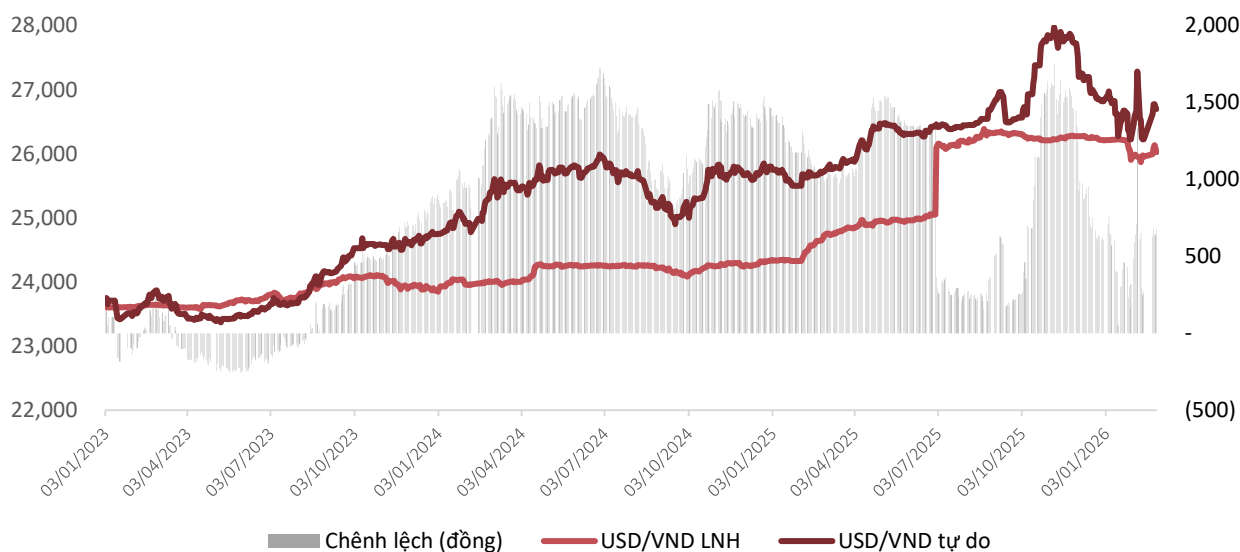
THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG

Thị trường ngoại hối

Trong tháng 2/2026, tỷ giá USD/VND ghi nhận mức tăng nhẹ dưới tác động của đà phục hồi trở lại của đồng USD trên thị trường quốc tế. Tỷ giá liên ngân hàng tại thời điểm cuối tháng 2 tăng 50 điểm cơ bản so với tháng 1, lên mức 26,025 VND/USD, dù vẫn thấp hơn 70 điểm cơ bản so với đầu năm. Trên thị trường tự do, tỷ giá cũng diễn biến cùng chiều khi tăng 180 điểm cơ bản và chốt tháng tại mức 26,700 VND/USD.

Diễn biến này chủ yếu phản ánh sức mạnh trở lại của đồng USD, khi chỉ số DXY tăng 0.6%, đánh dấu tháng tăng đầu tiên sau bốn tháng suy yếu, nhờ kỳ vọng Fed trì hoãn thêm việc giảm lãi suất điều hành trong bối cảnh lạm phát của Mỹ vẫn neo ở mức cao, với chỉ số giá sản xuất tăng 2.9%, cao hơn ngưỡng mục tiêu 2%. Thêm vào đó, nhu cầu nắm giữ USD với vai trò tài sản trú ẩn gia tăng đáng kể sau khi căng thẳng Mỹ – Iran leo thang vào cuối tháng, càng củng cố đà tăng của đồng USD

Chênh lệch tỷ giá trung tâm và tự do

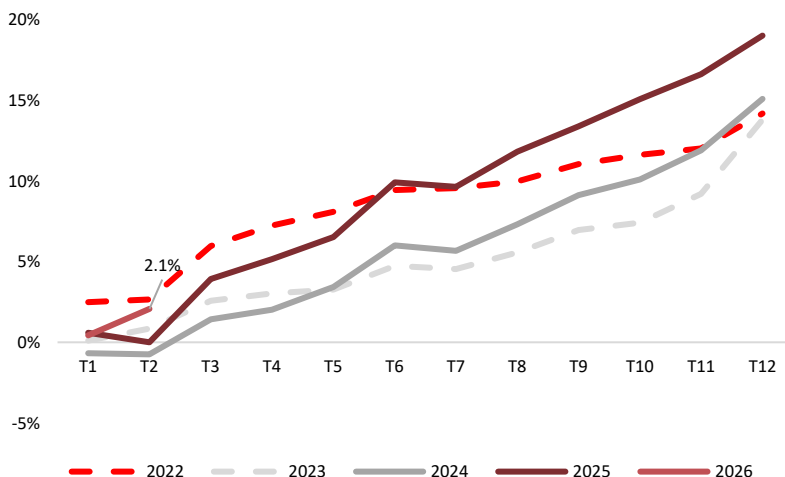


Thị trường tiền tệ

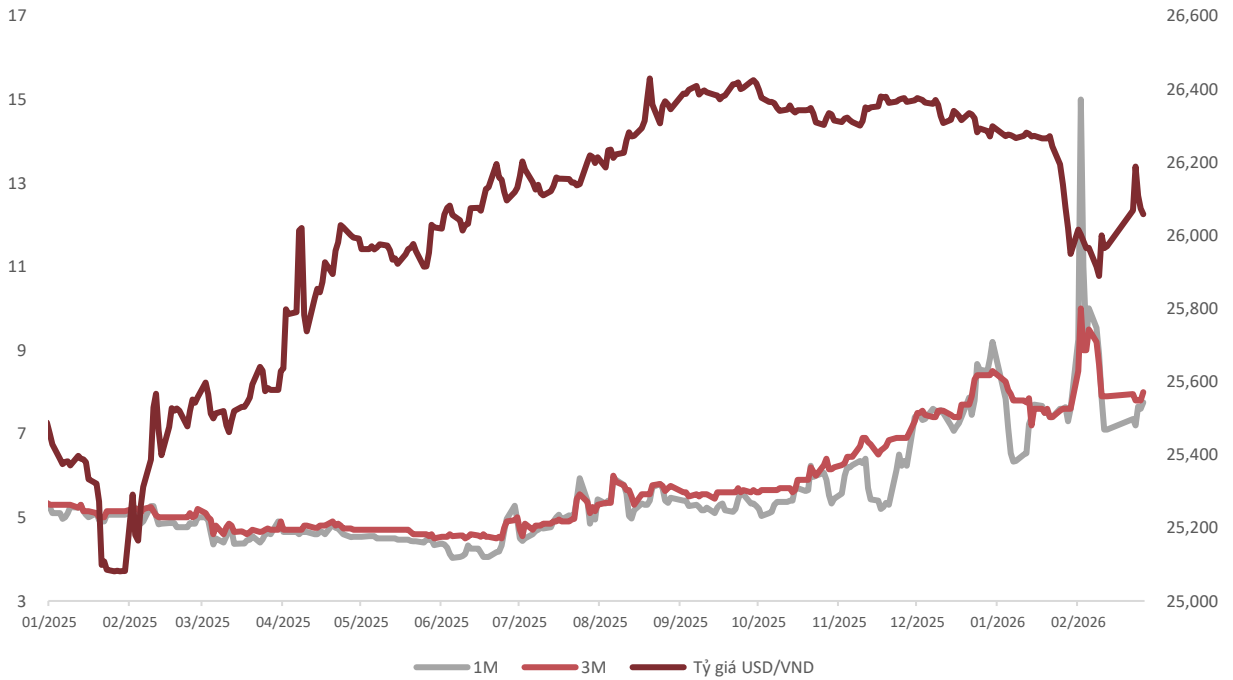
Mặt bằng lãi suất liên ngân hàng trong tháng 2/2026 ghi nhận trạng thái biến động mạnh và phân hóa rõ rệt so với sự hạ nhiệt của tháng 1. Điểm nhấn đáng chú ý nhất là cú vọt thanh khoản vào tuần đầu tháng 2, khi lãi suất qua đêm (ON) bất ngờ tăng mạnh từ mức 5.75% cuối tháng 1 lên mức đỉnh 19.85% vào ngày 3/2. Tương tự, lãi suất các kỳ hạn 1 tuần, 1 tháng và 3 tháng cũng đồng loạt đạt đỉnh trong ngày này với các mức lần lượt là 16.6%, 15% và 10%, cho thấy áp lực thanh khoản lên hệ thống thời điểm cận Tết nguyên đán. Tuy nhiên, áp lực này nhanh chóng được giải tỏa khi lãi suất bắt đầu hạ nhiệt nhanh từ giữa tháng và chạm mức thấp nhất tháng là 2.87% cho kỳ hạn qua đêm vào ngày 26/2. Kết thúc tháng 2/2026, lãi suất qua đêm neo ở mức 4.85%, giảm 90 điểm cơ bản so với chốt tháng trước. Ngược lại, các kỳ hạn dài hơn lại có xu hướng thắt chặt nhẹ: kỳ hạn 1 tuần chốt ở 7.55% (tăng 40 điểm), kỳ hạn 1 tháng chốt ở 7.75% (tăng 15 điểm) và kỳ hạn 3 tháng chốt ở 8% (tăng 40 điểm). Việc lãi suất các kỳ hạn từ 1 tuần trở lên đều cao hơn mức cuối tháng 1 cho thấy tâm lý thận trọng của các ngân hàng về thanh khoản trong trung hạn vẫn hiện hữu dù cơn sốt ngắn hạn đã qua đi.

Nhìn chung trong tháng 2, NHNN đã bơm hơn 309.2 nghìn tỷ đồng qua kênh OMO với kỳ hạn 7 - 56 ngày, lãi suất 4.5%. Cùng với đó, lượng vốn đáo hạn trong kỳ đạt hơn 225.6 nghìn tỷ đồng. Theo đó, NHNN đã bơm ròng hơn 83.6 nghìn tỷ trong tháng.

Tăng trưởng tín dụng



Lãi suất (%) và tỷ giá USD/VND liên ngân hàng (VND)



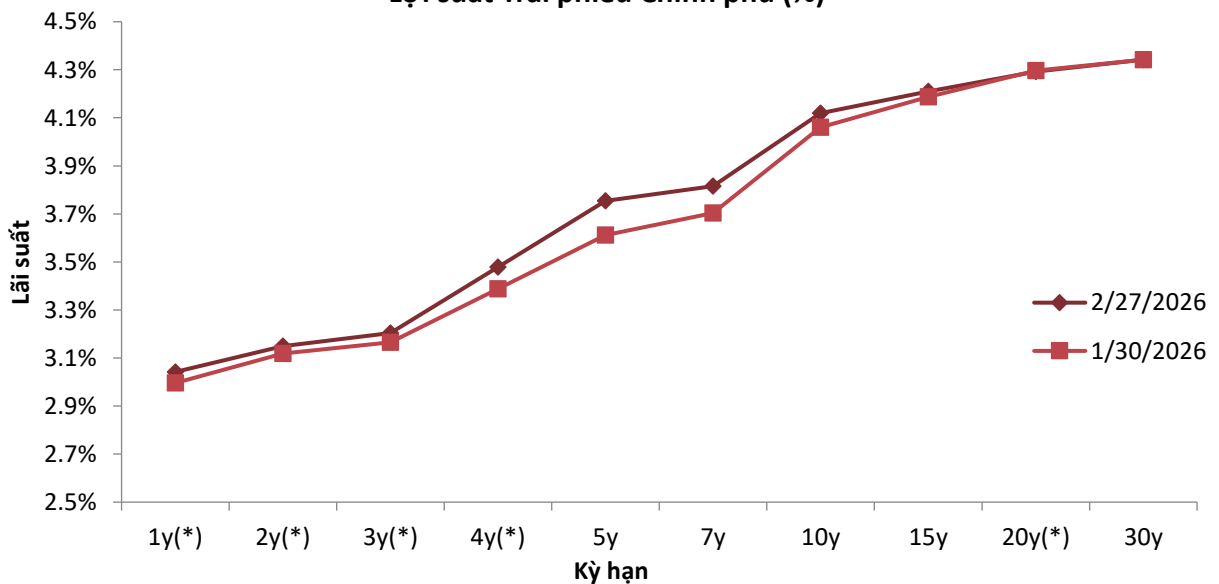
Nguồn: SSI Research, Bloomberg

Thị trường Trái Phiếu Chính Phủ (TPCP)

Trong tháng 2/2026, Kho bạc Nhà nước đã huy động gần 34,495 tỷ đồng Trái phiếu Chính phủ các kỳ hạn từ 5 năm đến 15 năm, tăng 33% so với tháng trước. Tổng khối lượng huy động từ đầu năm đạt khoảng 60,541 tỷ đồng, đạt 12% kế hoạch phát hành 500,000 tỷ đồng trong năm 2026. Kỳ hạn phát hành bình quân: 10.03 năm; lãi suất phát hành bình quân: 4.05%/năm. Kỳ hạn 10 năm được phát hành nhiều nhất từ đầu năm với giá trị là 59,191 tỷ đồng; chiếm 98% tổng giá trị phát hành. Tại các phiên cuối cùng của tháng 2, lãi suất trúng thầu kỳ hạn 10 năm là 4.09% tăng 5 điểm cơ bản so với tháng trước. Tỷ lệ trúng thầu bình quân trong tháng 2 đạt 60% tương đương với tháng trước.

Trên thị trường thứ cấp, lợi suất trái phiếu chính phủ phiên giao dịch cuối tháng 2 cho từng kỳ hạn còn lại đang ở mức như sau: 5 năm 3.75%, 7 năm 3.82%, 10 năm 4.12% và 15 năm 4.21%, lần lượt tăng 14, 11, 6 và 2 điểm cơ bản so với cuối tháng trước.

Lợi suất Trái phiếu Chính phủ (%)

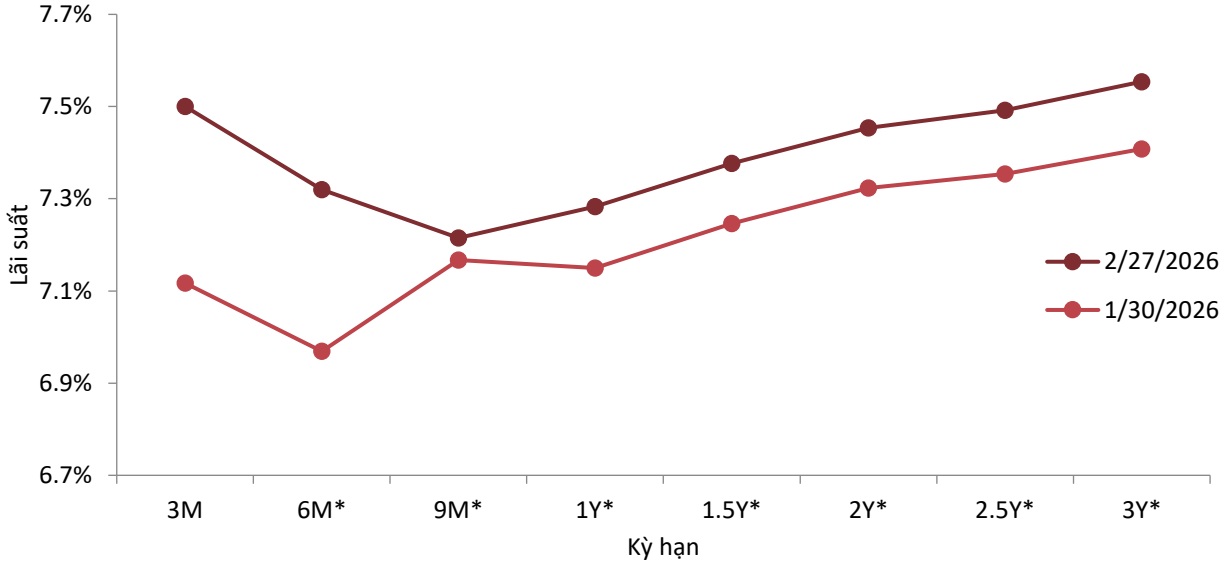


Nguồn: VBMA

Thị trường GTCG do TCTD phát hành

Trong tháng 2, lãi suất các giấy tờ có giá (GTCG) do các TCTD phát hành tăng nhẹ ở tất cả các kỳ hạn. Cụ thể, lãi suất kỳ hạn ngắn 3 tháng, 6 tháng và 9 tháng lần lượt tăng 38, 35 và 5 điểm cơ bản, chốt tháng tại mức 7.5%, 7.32% và 7.22%. Tương tự nhóm kỳ hạn dài từ 1 đến 3 năm cũng ghi nhận mức tăng từ 13 đến 15 điểm cơ bản, kết thúc tháng trong khoảng 7.28% - 7.55%.

Lãi suất trái phiếu và giấy tờ có giá các tổ chức tín dụng (%)



Nguồn: VBMA

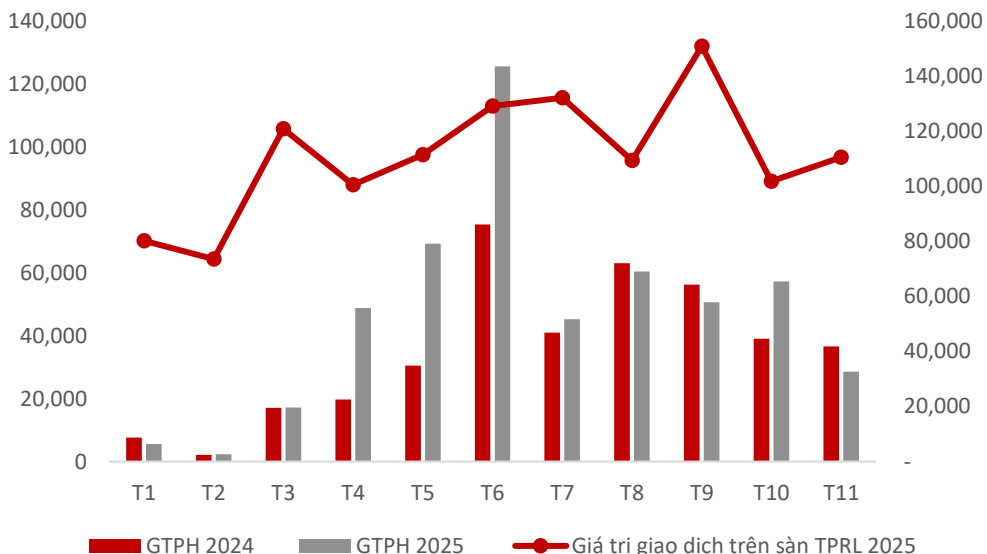
Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Theo dữ liệu tổng hợp từ HNX và VBMA tính đến ngày 04/03/2026, thị trường TPDN trong tháng 2 ghi nhận sự sụt giảm mạnh về quy mô phát hành. Tổng giá trị phát hành trong tháng 2 chỉ đạt 3,380.5 tỷ đồng, giảm 9% so với tháng trước và giảm sâu 96% so với cuối năm 2025. Về cấu trúc phát hành, thị trường ghi nhận 01 đợt phát hành riêng lẻ và 03 đợt chào bán ra công chúng.

Nhóm Ngân hàng tiếp tục đóng vai trò dẫn đầu khi chiếm đến 98% tổng giá trị thị trường, tương đương 3,301 tỷ đồng. Toàn bộ giá trị này đến từ 3 đợt phát hành của Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (BIDV) với kỳ hạn trung bình 8 năm. Nhóm bất động sản xếp vị trí thứ hai với giá trị 79.5 tỷ đồng (chiếm 2% tỷ trọng), toàn bộ đến từ đợt huy động của CTCP Thiên Phúc Invest được phát hành với mức lãi suất 11.5%/năm.

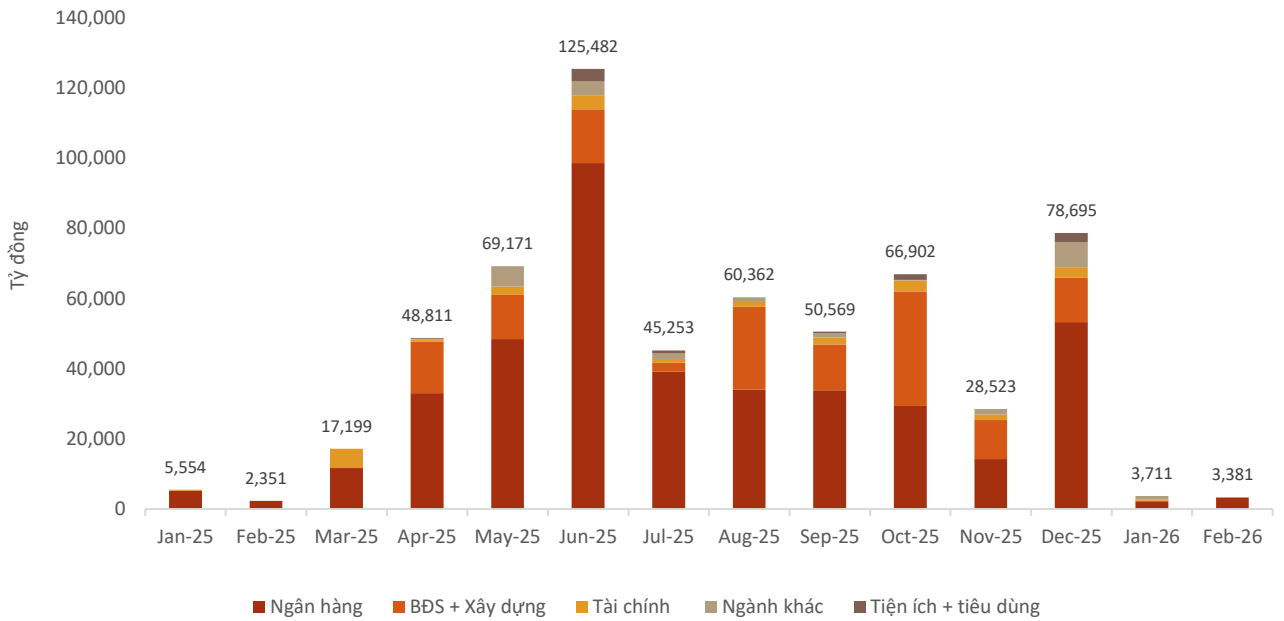
Trên sàn giao dịch trái phiếu riêng lẻ, tổng khối lượng giao dịch trái phiếu doanh nghiệp đạt 63,183 tỷ đồng tương đương 33.1 triệu trái phiếu, giảm 42% so với cuối tháng trước.

Tổng GTPH và GTGD (tỷ đồng)

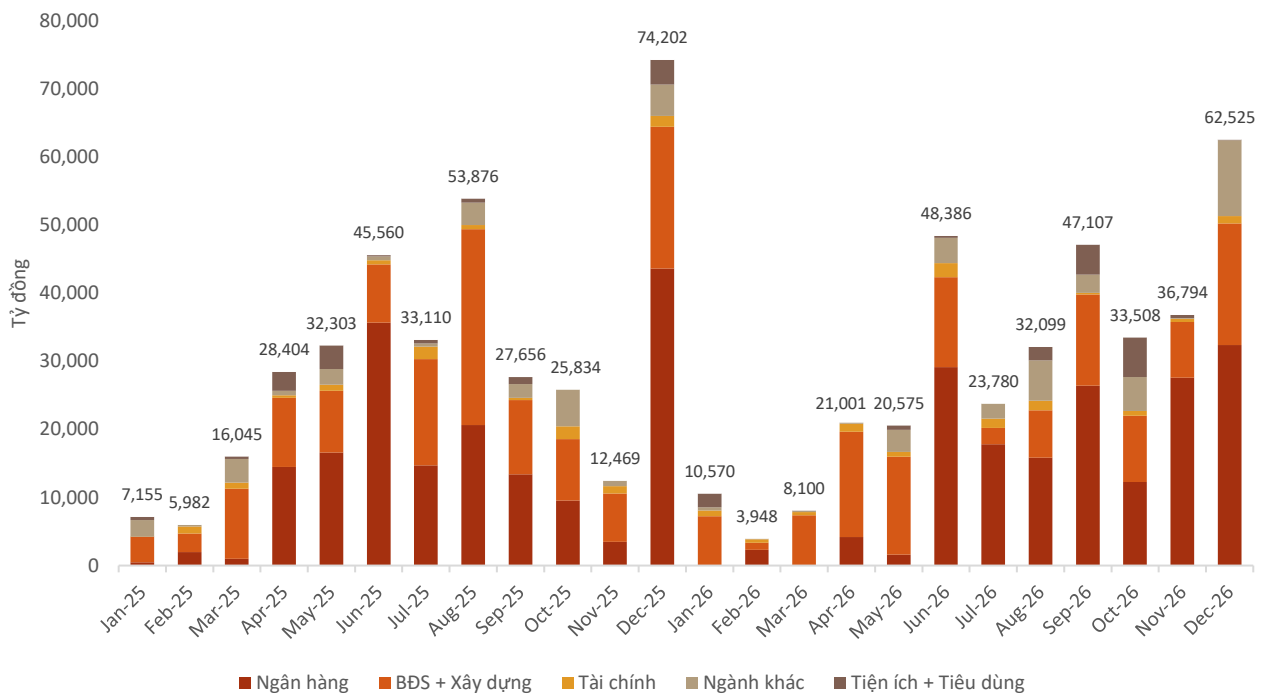


Nguồn: SSIAM, HNX

Giá trị phát hành TPDN theo ngành



Giá trị đáo hạn TPDN theo ngành



Nguồn: HNX, SSIAM

KHUYẾN CÁO

Nhà Đầu Tư cần đọc kỹ Bản Cáo Bạch, Điều Lệ Quỹ và các tài liệu có liên quan trước khi đưa ra quyết định đầu tư và cần chú ý tới các khoản phí khi giao dịch Chứng chỉ quỹ.

Chứng chỉ quỹ không phải là chứng chỉ tiền gửi, công cụ chuyển nhượng hoặc giấy tờ có giá theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng, hoặc các công cụ tài chính mà có thu nhập cố định hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư được bảo đảm.

Giá của Chứng chỉ quỹ có thể thay đổi theo diễn biến thị trường và NĐT có thể chịu thiệt hại về số vốn đầu tư vào quỹ khi thị trường không thuận lợi. Tài liệu này không nên được sử dụng cho mục đích ghi nhận kế toán, thuế hay để đưa ra các quyết định đầu tư. Nhà Đầu Tư nên chú ý rằng kết quả hoạt động trong quá khứ không hàm ý đảm bảo cho kết quả hoạt động của Quỹ trong tương lai. Giá trị của một chứng chỉ quỹ và thu nhập của Quỹ có thể tăng hoặc giảm nên không thể được bảo đảm bởi Công Ty Quản Lý Quỹ. Trường hợp Nhà Đầu Tư nghi ngờ về quyết định đầu tư của mình thì nên tìm hiểu thêm thông tin hoặc tham khảo ý kiến chuyên gia để có quyết định đầu tư thích hợp.

GIẢI THƯỞNG



TẠP CHÍ ALPHA SOUTHEAST ASIA

- “Công ty Quản lý Quỹ và Tài sản tốt nhất Việt Nam” năm 2020, 2021, 2022, 2023, 2024
- “Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam cho các Danh mục Bảo hiểm và Chương trình Hưu trí Tư nhân” năm 2020, 2021, 2023, 2024
- “Nhà Quản lý Quỹ tốt nhất (Quỹ Cân Bằng)” năm 2021
- “Nền tảng di động và trực tuyến tốt nhất (Công ty quản lý Quỹ)” năm 2024

TẠP CHÍ THE ASSET

- “Công ty Quản lý Quỹ của Năm” năm 2012, 2014, 2021, 2022, 2023, 2024
- “Công ty Quản lý Quỹ nội địa của Năm” năm 2015, 2016, 2017, 2018
- “Nhà Cung cấp ETF của Năm” 2021

TẠP CHÍ ASIANINVESTOR

- “Công ty Quản lý Quỹ nội địa tốt nhất Việt Nam” năm 2010
- “Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam” năm 2015, 2016, 2017, 2018
- “Hoạt động Phát triển Kinh doanh Tốt Nhất” năm 2022
- “Giải thưởng Thị trường – Việt Nam” năm 2024

TẠP CHÍ ASIA ASSET MANAGEMENT

- “Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam” năm 2012, 2013, 2016
- “Tổng Giám đốc của Năm” năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2020, 2022
- “Giám đốc Đầu Tư của Năm” năm 2013, 2014, 2015
- “Quỹ mới của Năm” 2020

THÔNG TIN LIÊN HỆ

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI (SSIAM)

BÀ TRẦN THU PHƯƠNG
Trưởng phòng Phát triển kinh doanh

T: (+84) 28 3824 2897 ext 1643
M: (+84) 968 383 482
E: phuongtt1@ssi.com.vn